

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 01 - 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Chị Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.
2. Ông Đào Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 110/2020/TLHNGĐ-ST ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXHNGĐ-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- N đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Chị T có mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của chị Hà Thị T, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu của N đơn - Chị Hà Thị T trình bày: Vào năm 2012, chị và anh N do mai mối rồi tìm hiểu nhau, yêu thương nhau và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới. Đến ngày 06 tháng 5 năm 2013 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Anh chị tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân do anh N không chăm lo cho cuộc sống vợ con. Sự việc này cứ lặp đi lặp lại và kéo dài đến nay. Từ tháng 6 năm 2014 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị xin ly hôn với anh N, trả lại tự do cho nhau; về con chung: Chị xác định vợ chồng chung sống có một người con chung tên Ngô Văn L sinh ngày 27 tháng 02 năm 2014, giới tính nam. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến tròn 18 tuổi vì cháu L hiện nay đang ở chung với chị. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi cháu L vì chị đủ điều kiện nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của chị T, Tòa án nhân dân thị xã K tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho anh N nhưng anh N không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các thông báo của Tòa án. Đồng thời, anh N cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của anh N cho Tòa án biết về việc chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N. Do đó, các phiên hòa giải không thể tiến hành được theo quy định pháp luật nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn và tranh chấp về nuôi con, bị đơn là anh N có địa chỉ tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của anh N tại phiên tòa: Anh N đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là phù hợp theo các Điều 177, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Từ tháng 6 năm 2014 đến nay, chị T và anh N đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn

sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh N là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn chị T xin được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu L đến tròn 18 tuổi và không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bởi vì, hiện tại chị T làm thuê, công việc ổn định, thu nhập trung bình được khoảng 6.000.000 đồng/tháng, nhà chị T gần trường học, tiện việc đưa đón con đi học. Đồng thời từ tháng 6 năm 2014 đến nay, anh N cũng không phụ giúp chị T nuôi con chung mà chị T vẫn tự nuôi dưỡng, chăm sóc con chung được đầy đủ về mọi mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là tiếp tục giao cháu L cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi và không buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước; anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị T, xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Ngô Văn N.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao người con chung tên Ngô Văn L sinh ngày 27 tháng 02 năm 2014, giới tính nam cho chị Hà Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi.

Anh Ngô Văn N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Văn L.

Anh Ngô Văn N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Ngô Văn N thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con thì theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009413 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Chị Hà Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt N đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Dương sự;
- UBND xã T;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

